

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Hoan

2. Bà Tạ Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lò Thị T**, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, tỉnh Điện Biên. Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T (nay là xã S), tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Tòng Văn Q**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: SN A, tổ A, phường M, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2025 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T (nay là xã T), tỉnh Điện Biên vào ngày 15/8/2018. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, đời sống hôn nhân không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Từ những mâu thuẫn trên nên vợ chồng đã

sống thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, hai người không còn quan tâm, yêu thương, liên hệ gì với nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc của hôn nhân không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Tòng Hải Đ, sinh ngày 12/3/2019. Hiện con chung đang sống cùng chị T từ khi vợ chồng sống ly thân. Chị T là giáo viên, có nguồn thu nhập hàng tháng khoảng 13.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Nguyên vọng của chị T sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Tòng Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng anh Q không có văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên tòa.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Sau khi anh Q vắng mặt không lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, chị T có Đơn xin từ chối hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Q và giải quyết về con chung theo nội dung đơn xin ly hôn và bản tự khai chị T đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q và yêu cầu giải quyết về con chung, đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Q có nơi cư trú tại: SN A, tổ A, phường M, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Các vấn đề khác: Bị đơn anh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệnhung vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2018 tại UBND xã M, huyện T (nay là xã T), tỉnh Điện Biên. Chị T và anh Q kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống cùng nhau, chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, đời sống hôn nhân không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vợ chồng đã sống thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, hai người không còn quan tâm, yêu thương, liên hệ gì với nhau. Theo Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị T ngày 15/7/2025: Bà Quảng Thị X là mẹ đẻ của anh Tòng Văn Q xác nhận chị T và anh Q chung sống không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn; gia đình đã động viên cả hai vợ chồng nhưng không thành; vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, chị T và con chung về Tòa Chùa ở; sau khi nhận được các văn bản do Tòa án tổng đạt, bà đã giao và thông báo cho Q, Q nói cũng đồng ý ly hôn nhưng bận đi làm nên không lên Tòa giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Q; đại diện chính quyền địa phương tổ A, phường Đ xác nhận nội dung theo đơn đề nghị là đúng.

Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa chị T và anh Q là có thật; vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau nữa; hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Tòng Hải Đ, sinh ngày 12/3/2019, hiện con chung đang sống cùng chị T từ khi vợ chồng sống ly thân. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung còn anh Q không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không đến tham gia phiên họp và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình về nguyện vọng nuôi con. Theo các tài liệu về biến động số dư tài khoản ngân hàng và Đ1 xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị T ngày 15/7/2025, thể hiện chị T là giáo viên có thu nhập ổn định từ lương khoảng 13.000.000 đồng/tháng. Xét thấy nguyện vọng của chị T là phù hợp với thực tế, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);
- Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lò Thị T được ly hôn anh Tòng Văn Q.
- 2. Về con chung:** Chị Lò Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Tòng Hải Đ, sinh ngày 12/3/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- 3. Về quan hệ tài sản:** Chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003640607 ngày 05/4/2025 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Điện Biên), chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- 5. Về quyền kháng cáo:** Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2025). Anh Tòng Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Châm